

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGU
TỈNH THÁI NGU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **04/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 22/01/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGU - TỈNH THÁI NGU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Vân và Nguyễn Thị Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái NgU, tỉnh Thái NgU.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái NgU: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại hội trường, Toà án nhân dân thành phố Thái NgU, tỉnh Thái NgU tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 750/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc : “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị Dương Thị Tố U, sinh năm 1990

HKTT: Tổ 03, phường Châu Sơn, TP. Sông Công, tỉnh Thái NgU.

Bị đơn: Anh Trần Quang T, sinh năm 1980

HKTT: Tổ 12, phường Hương Sơn, TP. Thái NgU, tỉnh Thái NgU.

(Chị U có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngU đơn chị Dương Thị Tố U trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Quang T ngày 15/01/2018, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Hương Sơn, thành phố Thái NgU, tỉnh Thái NgU. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Hà M sinh ngày 24/4/2018.

Lý do chị xin ly hôn: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do hai vợ chồng chị sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn, sinh sống và ở nhờ nhà chị gái anh T tại thành phố Nha Trang,

tỉnh Khánh Hòa. Thời gian ở đó chị có nhiều mâu thuẫn với chị chồng nên tháng 12/2020 chị đã đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thái NgU sống từ đó cho đến nay. Giữa chị và anh T do có khoảng cách sống xa nhau nên dần dần tình cảm lạnh nhạt không còn quan tâm đến nhau. Anh T cũng không quan tâm, hỏi han hay chăm sóc gì đến vợ con. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con Trần Hà M, sinh ngày 24/4/2018. Về cấp dưỡng nuôi chị đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung, nợ chung: Chị xác định quá trình chung sống hai vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Quang T trình bày: Anh và chị Dương Thị Tổ U kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hương Sơn, thành phố Thái NgU, có 01 con chung Trần Hà M, sinh ngày 24/4/2018, hiện nay đang ở với chị U.

Về quan hệ hôn nhân: Trong cuộc sống vợ chồng anh có nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng ở xa nhau nên dẫn đến không còn nhiều tình cảm. Đến nay, đã ly thân nhau nên không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị U yêu cầu ly hôn, anh cũng nhất trí xác định tình cảm không còn.

Về con chung: Khi ly hôn anh nhất trí để chị U nuôi con Trần Hà M do con chung còn nhỏ hiện đang ở cùng mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Quang T, anh T đã nhận các văn bản tố tụng và viết bản tự khai. Toà án tiến hành tổng đạt thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, anh T đã nhận thông báo, tuy nhiên anh T có đơn yêu cầu được giải quyết và xét xử vắng mặt anh tại Tòa án và tại phiên tòa. Ngoài ra anh T không có yêu cầu phản tố, không có đề nghị gì khác. Do đó Toà án đã không tiến hành hoà giải được cho các đương sự và cùng nhau thỏa thuận được các nội dung để giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị U vẫn giữ quan điểm yêu cầu được ly hôn với anh T, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm. Về con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không có đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh T vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, về nội dung vụ án, anh T nhất trí ly hôn với chị U, xác

định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, anh nhất trí để chị U trực tiếp nuôi con do con anh còn nhỏ và hiện đang sống cùng với mẹ. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái NgU.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho anh T theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2]. Về nội dung: Chị Dương Thị Tố U và anh Trần Quang T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hương Sơn, thành phố Thái NgU, tỉnh Thái NgU, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

NgU nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị U trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không cảm thông chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, do thời gian sống xa nhau đã lâu nên tình cảm vợ chồng đã dần lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau nữa, tháng 12/2020 chị đã sống ly thân với anh T từ đó cho đến nay. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị U. Tại phiên tòa chị U vẫn giữ ngU quan điểm, yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quan điểm tại bản tự khai cũng nhất trí ly hôn, xác định vợ chồng không còn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng và kéo dài, thời gian ly thân đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U, cho chị U được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về con chung: Sau khi kết hôn chị U và anh T có 01 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 24/4/2018, Khi ly hôn chị U đề nghị được nuôi con, anh T cũng nhất trí để chị U được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, con chung của chị U và anh T hiện còn nhỏ và đang ở cùng với chị U, anh T thường xU đi làm xa nhà nên không có nhiều thời gian để quan tâm, chăm sóc con, do vậy con chung cần sự chăm sóc tiếp của người mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy cần thiết

giao con chung Trần Hà M, sinh ngày 24/4/2018 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị U không yêu cầu giải quyết. Do đó về phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị U và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết tại phiên tòa ngày hôm nay. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[6]. Về án phí: Chị U phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm,
Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 55, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Tố U. Cho chị U được ly hôn với anh Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hà M, sinh ngày 24/4/2018 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị U phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000283 ngày 22/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái NgU.

5. Về quyền kháng cáo: Chị U có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

Nguyễn Anh Thư

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGU
TỈNH THÁI NGU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái NgU, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán, chủ tọa phiên toà:***Bà Nguyễn Thị Thu Hà

**** Các hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn”, giữa:

NgU đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái NgU, tỉnh Thái NgU.

Bị đơn: Anh Dương Anh Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái NgU, tỉnh Thái NgU.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTWQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. TU xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái NgU.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA